

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DS-PT

Ngày: 17-5-2022

"V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Dương Viết Hải

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn và bà Từ Thị Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại phòng xét xử dân sự. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 47/2021/TLPT- TCDS ngày 29/12/2021 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2021/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh bị nguyên đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 403/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn V, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: thôn Đ, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt

Bị đơn:

1. Ông Hoàng Văn Ph, sinh năm 1956; địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn H; địa chỉ nơi cư trú: thôn Đ, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Ông Phan Đình Phê, sinh năm 1939; địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Đình Ch; địa chỉ nơi cư trú: thôn Đ, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (theo giấy ủy quyền ngày 06/4/2022), có mặt.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông: Hoàng Văn T; địa chỉ nơi cư trú: thôn Đ, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có ý kiến đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Ông Hoàng Văn H và bà Hoàng Thị H; địa chỉ nơi cư trú: thôn Đ, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

3. Ông Hoàng Văn T và bà Trịnh Thị O; địa chỉ nơi cư trú: thôn Đ, xã G,

huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

4. Ông Phan Đình Ch và bà Nguyễn Thị Hồng N; địa chỉ nơi cư trú: thôn Đ, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Những người làm chứng:

1. Bà Hoàng Thị Th; địa chỉ nơi cư trú: thôn Đ, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng, vắng mặt.

2. Bà Hoàng Thị Th; địa chỉ nơi cư trú: thôn Đ, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Hoàng Văn V trình bày:

Ông nội anh là Hoàng Trung Th (chết năm 2001) và bà nội Nguyễn Thị Đ (chết năm 2003) sinh sống và làm nhà trên thửa đất số 274, tờ bản đồ số 06, diện tích 1080m², tại địa chỉ xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, được UBND huyện Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 18/3/1994, mang tên ông Hoàng Trung Th. Sau khi ông Th, bà Đ chết thì năm 2004, anh chị em trong gia đình họp lại và thống nhất chia thửa đất của ông bà nội anh thành hai thửa, một thửa giao cho bố anh là ông Hoàng Văn T sử dụng diện tích 245m² phía trước và anh sử dụng diện tích 835m² phía sau. Trên cơ sở văn bản thỏa thuận của toàn thể anh chị em trong gia đình, anh và bố anh làm thủ tục tách thửa, ngày 07/01/2004 anh được UBND huyện Quảng Ninh cấp giấy CNQSDĐ tại thửa đất số 274^b, tờ bản đồ 06, diện tích 835m² (Trong đó, đất ở 120m², đất vườn 715m²), và bố anh thửa đất cạnh anh có diện tích 245m². Anh sử dụng thửa đất từ đó đến năm 2019, anh mở rộng hồ cá trên diện tích đất của anh thì gia đình ông Hoàng Văn Ph cản trở và uy hiếp. Ông Ph cho rằng đường đi vào nhà ông Ph là đất của ông, con đường đó có chiều rộng khoảng 2,5m và chiều dài khoảng 20,20m, vốn trước đây đường vào nhà ông Ph là con đường chỉ rộng khoảng 30 đến 40cm. Anh cho rằng thửa đất của ông bà nội anh trước đây là một thửa liền nhau, tách thành hai thửa nên không thể có con đường ngăn cách hai thửa được. Do đó, phần diện tích làm đường vào nhà ông Ph là thuộc quyền sử dụng của anh. Anh đã làm đơn yêu cầu UBND xã G hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, anh làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Ph phải trả lại diện tích đất làm đường vào nhà ông Ph cho gia đình anh.

Ngoài ra, trong quá trình sử dụng đất anh phát hiện, trước đây ranh giới đất giữa gia đình anh và gia đình ông Ph là một hàng cây (bạch đàn). Sau đó gia đình ông Ph thống nhất với mẹ của anh đặt Bi và làm cột mốc giữa hai gia đình rồi giăng lưới thép gai làm hàng rào thay thế, cách hàng cây khoảng 1,7m, làm trên đất của gia đình anh, nhưng chưa được sự đồng ý của anh. Do đó, phần diện tích đất từ hàng rào thép gai đến hàng cây Bạch đàn là thuộc quyền sử dụng của gia đình anh khoảng 69m² bị ông Ph lấn chiếm, mặc dù đã nhiều lần anh đã yêu cầu ông Ph trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm khoảng 69m² nhưng ông Ph không trả. Vì vậy, anh khởi kiện bổ sung yêu cầu ông Ph phải trả lại cho gia đình anh phần diện tích ông Ph lấn chiếm trong cùng vụ án anh khởi kiện ông Ph lấn chiếm đất của gia

đình anh, để gia đình anh được quyền sử dụng phần diện tích đất mà ông Ph và ông Ph lấn chiếm.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Hoàng Văn Ph và người đại diện theo ủy quyền trình bày: Gia đình ông sử dụng diện tích đất làm nhà và sinh sống tại xã G, huyện Q đã lâu. Đến ngày 18/3/1994 gia đình ông được UBND huyện Quảng Ninh cấp giấy CNQSDĐ, tại thửa đất số 275, tờ bản đồ số 06, diện tích 810m² (trong đó đất ở 200m²; đất vườn 610m²) thuộc thôn Đ, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Con đường đi vào gia đình ông theo bản đồ 299 và trích lục bản đồ hiện trạng đất đang sử dụng đất có chiều dài khoảng 20,78m, chiều rộng 2,40m đã có từ lâu trước khi thửa đất của ông Th (ông nội anh V còn sống) chưa được tách thành hai thửa cho ông T và anh V. Gia đình ông sử dụng từ đó đến nay không ai có ý kiến, tranh chấp gì. Vì vậy, việc anh Hoàng Văn V khởi kiện cho rằng đường đi vào nhà ông là đất của anh V và yêu cầu ông trả lại phần diện tích làm đường đi vào nhà ông khoảng 50m² (chiều dài 20,20m và chiều rộng 2,5m) là ông không nhất trí. Vì đây là đường đi chung, đi vào nhà ông và các con ông, đường đã có trong sơ đồ địa chính 299 và các bản đồ sau này, đã sử dụng từ lâu, là đường duy nhất vào nhà ông, nếu không có đường này sẽ làm ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Phan Đình Ph và người được ủy quyền của bị đơn trình bày: việc anh Hoàng Văn V khởi kiện yêu cầu gia đình ông trả lại phần diện tích khoảng 69m² đất lấn chiếm của gia đình anh V là không đúng sự thật. Thửa đất số 279, tờ bản đồ số 06, diện tích 840 m² của gia đình ông sử dụng đã lâu và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ranh giới giữa thửa đất của gia đình ông và thửa đất của anh V làm hàng rào bằng Bi và lưới thép gai (có chiều dài khoảng 20,33m), hàng rào này là do gia đình anh V làm, khi làm hàng rào hai bên đã có sự bàn bạc, thống nhất (mẹ anh V, ông Ph và ông Ph), lúc đó anh V còn nhỏ, hai bên gia đình đã sử dụng hàng rào từ lâu, ổn định, không ai có ý kiến tranh chấp gì về ranh giới này. Do đó, ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Văn V buộc ông phải trả lại phần diện tích khoảng 69m².

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hoàng Văn V có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ cụ thể:

Đối với thửa đất số 274^b, tờ bản đồ số 6, diện tích 835 m² (trong đó đất ở 120 m²; đất vườn 715 m²) tại thôn Đ, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, được UBND huyện Quảng Ninh cấp ngày 07/01/2004, mang tên anh Hoàng Văn V (Tương ứng với thửa đất số 53, tờ bản đồ số 45, diện tích 676,6 m² bản đồ địa chính năm 2006, được Văn phòng đăng ký đất đai huyện Quảng Ninh được chỉnh lý ngày 08/10/2010). Phía Tây giáp đường giao thông cơ sở (Đường đi vào nhà ông Hoàng Văn Ph có chiều rộng có số đo 2,00m + 2,40m; chiều dài có số đo 20,78m); Phía Đông giáp mép ngoài bi kè đất ông Phan Đình Ph có số đo 20,33m; Phía Nam giáp mép ngoài bi kè đất ông Hoàng Văn Ph có số đo 35,21m; Phía Bắc giáp đường giao thông cơ sở có số đo 35,08m. Tổng diện tích: 722,6m².

Đối với thửa đất số 275, tờ bản đồ số 06, diện tích 810 m² (trong đó đất ở 120 m²; đất vườn 715 m²) tại thôn Đ, xã G, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình; được UBND huyện Quảng Ninh cấp, mang tên ông Hoàng Văn Ph. Phía Tây giáp đất ông Ph, ông Ph có số đo 20,93m; Phía Đông giáp đất ông Phan Đình Ph, ông Hoàng Văn H có số đo 12,5m + 1,61m + 0,46m + 3,67m + 5,50m; Phía Nam giáp đất ông Hoàng Văn Đ có số đo 42,59m; Phía Bắc giáp đất ông Hoàng Văn V và đường giao thông có số đo 35,21m + 2,44m. Tổng diện tích là 856,6m².

Đối với thửa đất số 279, tờ bản đồ số 06, diện tích 840 m² tại thôn Đ, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; được UBND huyện Quảng Ninh cấp ngày 07/11/2004, mang tên ông Phan Đình Ph. Phía Tây giáp đất ông Hoàng Văn V, Hoàng Văn Ph có số đo 20,33m+ 12,05m+ 1,61m+ 0,46m; Phía Đông giáp đất ông Hoàng Văn H, Hoàng Văn H có số đo 8,67m + 2,83m + 12,4m; Phía Nam giáp đất ông Hoàng Văn H có số đo 46,1m.; Phía Bắc giáp đất ông Hoàng H, Hoàng Văn H và đường giao thông có số đo 6,96m + 1,00m + 6,04m+ 17,08m+ 23,92m. Tổng diện tích là 1.157,9m²

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Q: Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; các Điều 34, 35, 39, 92, 147, 157, 165, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 164, 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 3, 166, 170 và 202, 203 Luật đất đai năm 2013 và khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Văn V về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án dân sự.

Ngày 01/12/2021, nguyên đơn anh Hoàng Văn V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Q. Đề nghị sửa bản án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Vợ chồng ông Hoàng Văn H và vợ chồng ông Hoàng Văn T thống nhất trình bày: Bố mẹ các ông là ông Hoàng Văn Ph và bà Hoàng Thị D sử dụng thửa đất số 275, tờ bản đồ số 06, diện tích 810m² (trong đó đất ở 200m², đất vườn 610m²). Ngày 18/3/1994 bố mẹ ông được UBND huyện Quảng Ninh cấp giấy CNQSDĐ số phát hành C0951926, mang tên ông Hoàng Văn Ph. Năm 2014, bố mẹ các ông đã thực hiện thủ tục tách thửa đất số 275, tờ bản đồ số 06, diện tích 810m² thành 03 thửa đất (gồm các thửa đất số 398, 399 và 400). Sau đó, bố mẹ các ông làm Hợp đồng tặng cho vợ chồng ông là Hoàng Văn H và bà Hoàng Thị H được quyền sử dụng thửa đất số 398, tờ bản đồ số 06, diện tích 193,5m² (trong đó đất ở 50m², đất vườn 143,5m²). Ngày 11/3/2014 ông Hoàng Văn H và bà Hoàng

Thị H được UBND huyện Quảng Ninh cấp giấy CNQSDĐ số phát hành BP642986. Thửa đất 399, tờ bản đồ số 06, diện tích 197,9m² (trong đó đất ở 50m², đất vườn 147,9m²) tặng cho vợ chồng ông Hoàng Văn T và bà Trịnh Thị O. Ngày 11/3/2014 ông Hoàng Văn T và chị Trịnh Thị O được UBND huyện Quảng Ninh cấp giấy CNQSDĐ số phát hành BP642985. Năm 2018, ông T bà O làm thủ tục cấp đổi giấy CNQSDĐ. Ngày 25/12/2018, UBND huyện Quảng Ninh cấp đổi giấy CNQSDĐ cho ông T, bà O tại thửa đất số 249, tờ bản đồ số 45, diện tích 218,2m² (trong đó đất ở 50m², đất vườn 168,2m²), địa chỉ: thôn Đ, xã G, huyện Quảng Ninh. Thửa đất số 400, tờ bản đồ số 06, diện tích 418,6m² (trong đó đất ở 100m², đất vườn 318,6m²) làm thủ tục cấp đổi giấy CNQSDĐ, mang tên ông Hoàng Văn Ph và bà Hoàng Thị D. Đến năm 2018, ông H, bà H làm thủ tục vay vốn tại Ngân hàng thì phát hiện thửa đất đã cấp cho ông Hoàng Văn T và bà Trịnh Thị O có sự nhầm lẫn về diện tích giữa thửa đất cấp đổi cho ông Ph bà D và vợ chồng ông T, bà O nên làm đơn điều chỉnh cho phù hợp. Do đó, UBND huyện Quảng Ninh đã có quyết định thu hồi giấy CNQSDĐ của vợ chồng ông T, bà O để điều chỉnh lại cho phù hợp.

Việc ông Hoàng Văn V cho rằng diện tích đất sử dụng của gia đình bố mẹ các ông tăng so với diện tích trong giấy CNQSDĐ được cấp nên đã làm đơn khởi kiện buộc gia đình bố mẹ các ông trả lại khoảng 44m² đường đi vào nhà bố mẹ ông và đi ngang qua thửa đất của vợ chồng các ông, gia đình ông T, bà O và ông H, bà H không nhất trí. Vì diện tích sử dụng của gia đình bố mẹ các ông tăng là do trước đây giữa nhà bố mẹ các ông và gia đình nhà ông Hoàng Văn Đ có ruộng trồng riêng. Sau đó, hai bên gia đình thống nhất phá dỡ và chia đôi để làm hàng rào mới, chứ phần đường đi vào nhà bố mẹ các ông là lối đi chung, đường vào nhà bố mẹ các ông chỉ có một con đường duy nhất, từ nhỏ lớn lên các ông đã thấy có con đường này, con đường này đã được thể hiện trong bản đồ địa chính 299 lưu tại xã, nhưng các ông không biết cụ thể diện tích là bao nhiêu. Các ông nghe kể lại khoảng năm 1987 do có mối quan hệ bà con với gia đình ông Hoàng Trung Th (ông nội của anh Hoàng Văn V) nên gia đình ông Th đã đồng ý cho bố mẹ ông là ông Ph, bà D thêm một phần diện tích đất để mở rộng đường vào nhà như hiện nay (còn cụ thể là bao nhiêu thì không rõ, vì cho bằng miệng) và gia đình bố mẹ các ông sử dụng từ đó đến nay, không thay đổi gì.

Ông Phan Đình Ch và bà Phạm Thị Hồng N thống nhất trình bày: Đất gia đình bố mẹ ông là (ông Phan Đình Ph và bà Hoàng Thị U) sử dụng có nguồn gốc từ lâu. Ngày 18/3/1994, bố mẹ ông được UBND huyện Quảng Ninh cấp giấy CNQSDĐ số phát hành C0951927, tại thửa đất số 279, bản đồ giải thửa 299 số 06, diện tích 840m² (trong đó đất ở 200m², đất vườn 640m²), địa chỉ: tại xã G, huyện Quảng Ninh, mang tên ông Phan Đình Ph, nhưng bố ông đã làm mất. Năm 2013 bố ông lập hồ sơ đề nghị cấp lại giấy CNQSDĐ. Ngày 24/01/2013, UBND huyện Quảng Ninh đã cấp giấy CNQSDĐ có số phát hành BH 5788851, tại thửa đất số 279, tờ bản đồ giải thửa 299 số 06, diện tích 840m² (trong đó đất ở 200m², đất vườn 640m²), mang tên Phan Đình Ph. Năm 2013, bố mẹ ông thực hiện tách thửa đất số 279, bản đồ giải thửa 299 số 06 thành 03 thửa đất (gồm 395, 397 và 396) và làm Hợp đồng tặng cho vợ chồng ông là Phan Đình Ch, bà Nguyễn Thị Hồng N

được quyền sử dụng thửa đất số 397, tờ bản đồ số 06, diện tích 245m² (trong đó đất ở 50m², đất vườn 195m²). Ngày 28/3/2013, vợ chồng ông được UBND huyện Quảng Ninh cấp giấy CNQSDĐ số phát hành BI 058219, ngang tên ông Phan Đình Ch và bà Nguyễn Thị Hồng N. Làm Hợp đồng tặng cho bà Phan Thị V được quyền sử dụng thửa đất số 395, tờ bản đồ số 06, diện tích 125,8m² (trong đó đất ở 60m², đất vườn 65,8m²). Ngày 28/3/2013, UBND huyện Quảng Ninh cấp giấy CNQSDĐ số phát hành BI 058220 cho bà Phan Thị V. Còn thửa đất số 396, tờ bản đồ số 06, diện tích 469,2m² (trong đó đất ở 90m², đất vườn 379,2m²) cấp đổi giấy CNQSDĐ. Ngày 28/3/2013, UBND huyện Quảng Ninh cấp đổi giấy CNQSDĐ số phát hành BH 578851, mang tên ông Phan Đình Ph, bà Hoàng Thị U.

Việc ông Hoàng Văn V cho rằng diện tích đất sử dụng của gia đình bố mẹ ông tăng so với diện tích trong giấy CNQSDĐ được cấp, nên đã làm đơn khởi kiện gia đình bố mẹ ông trả lại khoảng 69m² lấn chiếm đất của ông V, ông hoàn toàn không nhất trí. Vì diện tích sử dụng của gia đình bố mẹ ông tăng là do phía sau đất của gia đình bố mẹ ông trước đây có rường, không có ai sử dụng nên gia đình bố mẹ ông khai hoang mở rộng thêm. Còn ranh giới hai gia đình được thỏa thuận cắm mốc từ trước năm 2000. Khi cắm mốc ông Th (ông nội ông V) còn sống. Sau đó mẹ anh V, ông Th và bố ông có thỏa thuận làm cột mốc bằng bê tông ở hai đầu (hiện nay vẫn còn). Đến năm 2007, ông T (con trai ông Th) tiếp tục làm kẻ bi và làm lại cọc bê tông to hơn dựa trên cột mốc cũ. Còn hàng cây bạch đàn mà gia đình ông trồng cách mốc ranh giới hai bên gia đình thỏa thuận khoảng 20cm. Thời điểm gia đình ông trồng bạch đàn là trước năm 1996 có ông Th, bà Đ biết (nhưng nay ông Th, bà Đ đã chết). Ngoài ra, trước năm 1996, gia đình ông và gia đình ông Hoàng Văn H đổi đất cho nhau. Ông H lấy đất phía sau gốc nhà của ông để làm sân và ông H trả lại cho gia đình ông khoảng 40m² phía giáp đường đi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn T và những người làm chứng bà Hoàng Thị Th, bà Hoàng Thị Th thống nhất trình bày: Bố mẹ các ông bà là ông Hoàng Trung Th và bà Nguyễn Thị Đ, đều đã chết. Khi còn sống bố mẹ ông sinh sống và làm nhà trên thửa đất số 274, tờ bản đồ số 06, diện tích 1080m², tại địa chỉ xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, được UBND huyện Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 18/3/1994, mang tên ông Hoàng Trung Th. Đến năm 2004, tất cả anh chị em trong gia đình họp lại và thống nhất chia thửa đất của bố mẹ ông bà thành hai thửa (ông T cho rằng thời gian này ông đang sinh sống ở Lào nên không biết rõ chỉ có vợ ông T ở nhà thỏa thuận và ông không ký vào biên bản), một thửa giao cho ông T sử dụng, diện tích 245m² phía trước và giao cho con ông T (anh Hoàng Văn V) sử dụng, diện tích 835m² phía sau. Trên cơ sở văn bản thỏa thuận của toàn thể anh chị em trong gia đình, ông T và anh V làm thủ tục tách thửa. Ngày 07/01/2004, ông T được UBND huyện Quảng Ninh cấp giấy CNQSDĐ, tại thửa đất số 274c, tờ bản đồ 06, diện tích 245m² (Trong đó, đất ở 80m², đất vườn 165m²), mang tên Hoàng Văn T và anh V được UBND huyện Quảng Ninh cấp giấy CNQSDĐ, tại thửa đất số 274b, tờ bản đồ 06, diện tích 835m² (Trong đó, đất ở 120m², đất vườn 715m²), mang tên Hoàng Văn V sử dụng từ đó đến nay. Quá trình sử dụng các thửa đất ông T và anh V không mua thêm và khai hoang thêm gì. Diện tích thực tế hiện nay ông T đang sử

dụng có diện tích 385m² và diện tích thực tế hiện nay anh V đang sử dụng có diện tích 722,6m² theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ do ông T và anh V trực tiếp chỉ đạo (có sơ đồ kèm theo). Theo ông T được biết, khoảng năm 1987 gia đình ông gồm bố mẹ, ông và các anh chị em của ông đồng ý cho gia đình ông Hoàng Văn Ph (cho bằng miệng, không có giấy tờ gì) mở rộng đường vào nhà khoảng 02m chiều rộng và chiều dài vào đến đất của gia đình ông Ph, do lúc đó đường vào nhà ông Ph có chiều rộng khoảng 0,5m. Thời điểm đó do hai bên gia đình chưa có giấy CNQSDĐ, nên không chỉnh sửa, thay đổi gì về sổ đăng ký đất đai và đã sử dụng hơn 35 năm không ai có ý kiến khiếu nại gì. Theo ông quyền sử dụng thửa đất thời gian đó là của bố mẹ các ông đã cho gia đình ông Ph làm đường, nên nay thành đường đi chung vào gia đình ông Ph và các con ông Ph và cũng đã có trong sơ đồ địa chính đang được lưu giữ tại các cấp chính quyền, chứ không thuộc đất của anh V nữa. Ngoài ra, khoảng năm 2000 ông T làm ăn bên Lào, vợ ông là bà Ngô Thị X (đã chết) thống nhất với ông Phan Đình Ph và ông Hoàng Văn Ph để cắm mốc ranh giới giữa các nhà ông Th, ông Ph và ông Ph. Đến năm 2007, ông ở Lào về nâng cấp hàng rào mốc giới giữa ba gia đình theo mốc giới đã thỏa thuận giữa ba gia đình bằng hàng Bi đổ bê tông bên trong và đóng cọc bê tông ở giữa hàng bi và giăng giăng thép gai. Hiện nay anh Hoàng Văn V đã phá hàng bi, còn giữ lại hai bi ở hai góc làm mốc giới giữa các thửa đất của gia đình ông, ông Ph và ông Ph. Con đường sát thửa đất của ông từ Quốc lộ 1A đi vào trước đây là đường nhỏ, rộng khoảng 1,5m. Khoảng năm 1996 nhà nước quy hoạch đường rộng 03m như hiện nay.

Ngày 21/4/2022, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Quảng Ninh có công văn số 72/CNVPĐK nêu ý kiến như sau:

Hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ của ông Hoàng Trung Th: Ngày 18/3/1994, ông Hoàng Trung Th được UBND huyện Quảng Ninh cấp giấy CNQSDĐ có số phát hành C0951869, tại thửa đất số 274, tờ bản đồ giải thửa 299 số 06, diện tích 1080m² (trong đó đất ở 200m², đất màu 880m²), tại xã G, huyện Quảng Ninh. Ngày 05/7/2003 nhưng người thừa kế của ông Hoàng Trung Th và vợ là bà Nguyễn Thị Đ lập biên bản họp gia đình thỏa thuận và thống nhất nội dung giao cho ông Hoàng Văn T sử dụng 245m² (trong đó đất ở 80m² và 165m² đất vườn) và giao cho ông Hoàng Văn V sử dụng 835m² (trong đó đất ở 120m² và 715m² đất vườn) đối với thửa đất số 274, tờ bản đồ giải thửa 299 số 06 là tài sản thừa kế của ông Th, bà Đ.

Hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ của ông Hoàng Văn Ph: Ngày 18/3/1994, ông Hoàng Văn Ph được UBND huyện Quảng Ninh cấp giấy CNQSDĐ có số phát hành C 0951926, tại thửa đất số 275, tờ bản đồ giải thửa 299 số 06, diện tích 810m² (trong đó đất ở 200m², đất màu 610m²), tại xã G, huyện Quảng Ninh. Năm 2014 ông Hoàng Văn Ph, bà Phạm Thị D thực hiện thủ tục tách thửa đất số 275, bản đồ giải thửa 299 số 06 thành 03 thửa đất (gồm 398, 399, 400). Thửa đất 398, diện tích 193,5m² (trong đó đất ở 50m², đất vườn 143,5m²) tặng cho con vợ chồng ông Hoàng Văn H, bà Hoàng Thị H. Ngày 11/3/2014, ông H bà H được UBND huyện Quảng Ninh cấp giấy CNQSDĐ có số phát hành BP 642986, tại thửa đất số 398, tờ bản đồ giải thửa 299 số 06, diện tích 193,5m² (trong đó đất ở 50m²,

đất vườn 143,5m²). Thửa đất 399, diện tích 197,9m² (trong đó đất ở 50m², đất vườn 147,9m²) tặng cho con vợ chồng ông Hoàng Văn T, bà Trịnh Thị O. Ngày 11/3/2014, ông T, bà O được UBND huyện Quảng Ninh cấp giấy CNQSDĐ có số phát hành BP 642985, tại thửa đất số 399, tờ bản đồ giải thửa 299 số 06, diện tích 197,9m² (trong đó đất ở 50m², đất vườn 147,9m²) và Thửa đất số 400, diện tích 418,6m² (trong đó đất ở 100 và đất vườn 318,6m²) cấp đổi giấy CNQSDĐ cho ông Hoàng Văn Ph, bà Phạm Thị D. Đồng thời chỉnh lý biên động trên giấy CNQSDĐ số phát hành C0951926 của ông Hoàng Văn Ph, bà Phạm Thị D.

Hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ của ông Phan Đình Ph: Ngày 18/3/1994, ông Phan Đình Ph được UBND huyện Quảng Ninh cấp giấy CNQSDĐ có số phát hành C 0951927, tại thửa đất số 279, tờ bản đồ giải thửa 299 số 06, diện tích 840m² (trong đó đất ở 200m², đất màu 640m²), tại xã G, huyện Quảng Ninh. Năm 2013 ông Phan Đình Ph làm hồ sơ đề nghị cấp lại giấy CNQSDĐ do bị mất. Ngày 24/01/2013, ông Phan Đình Ph được UBND huyện Quảng Ninh cấp giấy CNQSDĐ có số phát hành BH 178851, tại thửa đất số 279, tờ bản đồ giải thửa 299 số 06, diện tích 840m² (trong đó đất ở 200m², đất màu 640m²), tại xã G, huyện Quảng Ninh. Năm 2013 ông Phan Đình Ph, bà Hoàng Thị U thực hiện thủ tục tách thửa đất số 279, bản đồ giải thửa 299 số 06 thành 03 thửa đất (gồm 395, 396, 397). Thửa đất 395, diện tích 125,8m² (trong đó đất ở 60m², đất vườn 65,8m²) tặng cho con bà Phan Thị V. Ngày 28/3/2013, bà V được UBND huyện Quảng Ninh cấp giấy CNQSDĐ có số phát hành BI 058220, tại thửa đất số 395, tờ bản đồ giải thửa 299 số 06, diện tích 125,8m² (trong đó đất ở 60m², đất vườn 65,8m²). Thửa đất 397, diện tích 245m² (trong đó đất ở 50m², đất vườn 195m²) tặng cho con vợ chồng ông Phan Đình Ch, bà Nguyễn Thị Hồng N. Ngày 28/3/2013, ông Ch, bà N được UBND huyện Quảng Ninh cấp giấy CNQSDĐ có số phát hành BI 058219, tại thửa đất số 397, tờ bản đồ giải thửa 299 số 06, diện tích 245m² (trong đó đất ở 50m², đất vườn 195m²) và Thửa đất số 396, diện tích 469,2m² (trong đó đất ở 90m² và đất vườn 379,2m²) cấp đổi giấy CNQSDĐ cho ông Phan Đình Ph, bà Hoàng Thị U. Đồng thời chỉnh lý biên động trên giấy CNQSDĐ số phát hành BH 578851 của ông Ph, bà U.

Năm 2018, vợ chồng ông T bà O làm thủ tục cấp đổi giấy CNQSDĐ. Ngày 25/12/2018, UBND huyện Quảng Ninh cấp đổi giấy CNQSDĐ số phát hành CN 541130 cho vợ chồng ông T, bà O, tại thửa đất số 249, tờ bản đồ số 45, diện tích 218,2m² (trong đó đất ở 50m², đất vườn 168,2m²). Sau đó vợ chồng ông T, bà O phát hiện thửa đất vợ chồng ông bà được cấp sai vị trí, nên đã làm đơn đề nghị thu hồi giấy CNQSDĐ. Ngày 04/8/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình ban hành Quyết định số 493/QĐ-STNMT về việc thu hồi giấy CNQSDĐ số phát hành CN 541130 đã cấp cho ông Hoàng Văn T, bà Trịnh Thị O.

Theo bản đồ số 06 bản đồ giải thửa 299, đo đạc năm 1991 đã thể hiện lối đi vào thửa đất của ông Hoàng Văn Ph và ranh giới thửa đất giữa ông Hoàng Trung Th và ông Phan Đình Ph. Tuy nhiên, bản đồ giải thửa 299 năm 1991 được thực hiện bằng phương pháp đo đạc đơn giản nên không thể xác định chính xác độ rộng và chiều sâu của lối đi này, không có tọa độ nên không thể đối chiếu bản đồ địa chính để xác định tọa độ và ranh giới của các thửa đất nói trên. Mặt khác xã G đã

thực hiện đo đạc thửa đất theo bản đồ địa chính các năm 2006 và năm 2019, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt bản đồ trong đó có các thửa đất nói trên. Theo quy định về bản đồ, việc đo đạc được thực hiện theo hiện trạng sử dụng đất và giấy tờ về quyền sử dụng đất. Theo đó, trong hồ sơ đo đạc thửa đất người sử dụng đất phải ký các giấy tờ về mô tả ranh giới, phiếu xác nhận kết quả đo đạc. Tuy nhiên, hồ sơ đo đạc thửa đất không được lưu trữ tại Chi nhánh nên Chi nhánh không có hồ sơ để đối chiếu, kiểm tra (theo quy định hồ sơ thành lập thửa đất được lưu tại UBND xã, phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện và sở Tài nguyên và Môi trường.)

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo, các bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên quan điểm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiếu những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nhưng trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm đã xác định lại đầy đủ. Tại phiên tòa phúc thẩm những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn yêu cầu Tòa án tiếp tục xét xử vụ án, nên đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt không có lý do, tại hồ sơ vụ án đã có ý kiến của những người này. Với lại phiên tòa đã đưa ra xét xử nhiều lần nhưng họ đều vắng mặt, nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt họ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Q. Kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn anh Hoàng Văn V nộp ngày 02/12/2021 là đảm bảo về người, thời hạn, hình thức và nội dung kháng cáo và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn được xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Tại cấp sơ thẩm xác định thiếu những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm tố tụng. Tuy nhiên, cấp phúc thẩm đã bổ sung người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều đề nghị Tòa án tiến hành tiếp tục xét xử vụ án, việc giải quyết vụ án không ảnh hưởng đến quyền lợi ích của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nên Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của

pháp luật. Một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt không có lý do, nhưng tại hồ sơ vụ án đã có lời khai, ý kiến của họ. Với lại, vụ án được đưa ra xét xử nhiều lần nhưng họ đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, cần xét xử vắng mặt họ theo quy định tại các Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn anh Hoàng Văn V thấy:

[2.1] Xét về nguồn gốc và quá trình sử dụng các thửa đất:

Các cụ Hoàng Trung Th (chết năm 2001) và cụ Nguyễn Thị Đ (chết năm 2003) là bố mẹ ông Hoàng Văn T và là ông bà nội của anh Hoàng Văn V. Trong quá trình sinh sống đã tạo lập được ngôi nhà trên thửa đất tại xã G, huyện Quảng Ninh. Đến năm 1994, UBND huyện Quảng Ninh có chủ trương cấp giấy CNQSDĐ cho các hộ gia đình trên toàn xã Gia Ninh. Cụ Th được cấp giấy CNQSDĐ, tại thửa đất số 274, tờ bản đồ số 06, diện tích 1080m², mang tên ông Hoàng Trung Th. Gia đình ông Hoàng Văn Ph được cấp giấy CNQSDĐ tại thửa đất số 275, tờ bản đồ số 06, diện tích 810m², mang tên ông Hoàng Văn Ph. Gia đình ông Phan Đình Ph được cấp giấy CNQSDĐ tại thửa đất số 279, tại bản đồ số 06, diện tích 840m², mang tên ông Phan Đình Ph. Sau khi cụ Th, cụ Đ chết không để lại di chúc. Năm 2004, tất cả anh chị em trong gia đình cụ Th họp lại và thống nhất chia thửa đất của cụ Th, cụ Đ thành hai thửa. Một thửa phía trước giao cho bố anh V là ông Hoàng Văn T sử dụng và được UBND huyện Quảng Ninh cấp giấy CNQSDĐ, tại thửa đất số 274c, tờ bản đồ số 06, diện tích 245m²; còn thửa đất phía sau giao cho anh Hoàng Văn V sử dụng và đã được UBND huyện Quảng Ninh cấp giấy CNQSDĐ, tại thửa đất số 274b, tờ bản đồ số 06, diện tích 835m². Tuy nhiên, khi UBND huyện Quảng Ninh cấp giấy CNQSDĐ cho anh V thì ghi nhầm thửa đất số 274b, còn thửa đất ông T được cấp thì ghi thửa 274c (không đúng với bản đồ địa chính năm 1993). Trong quá trình gia đình cụ Th sử dụng đất, vì lúc đó đất làm lúa, nên có một bờ ruộng ngăn cách thửa đất của gia đình cụ Th làm hai phần, tạo thành một con đường đi có chiều rộng khoảng 50cm vào nhà ông Ph ở phía trong. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận (được thể hiện trong bản đồ địa chính năm 1991, 2006 và 2019 đang lưu trữ tại xã G, được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

Xét ý kiến của anh V cho rằng phần diện tích đường đi vào nhà gia đình ông Ph thấy: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng, diện tích đất của cụ Th được UBND huyện Quảng Ninh cấp là thửa đất số 274, diện tích 1080m². Khi ông T, anh V có yêu cầu tách thửa đất cụ Th thành hai thửa thì các cơ quan chức năng căn cứ vào văn bản thỏa thuận của gia đình cụ Th, nhưng văn bản thỏa thuận không thể hiện kích thước, cạnh tiếp giáp, sơ đồ mà chỉ thỏa thuận diện tích phần trước, phần sau thửa đất. Đồng thời, căn cứ vào bản đồ địa chính đã tiến hành làm thủ tục tách thửa đất của cụ Th thành hai thửa cho ông T và anh V, nhưng không trực tiếp ra xem xét, đo đạc trên thực tế, dẫn đến việc cấp giấy CNQSDĐ cho ông T và anh V có sai lệch về số thửa và diện tích so với thực tế thửa đất và bản đồ địa chính, nhưng sau khi được cấp giấy CNQSDĐ các bên không ai có ý kiến, kiến nghị gì. Trong quá trình giải quyết vụ án, qua xem xét, đo đạc thực tế hai thửa đất của ông T và anh V (do anh V và ông T chỉ đạc) thể hiện: hiện trạng thửa đất anh V đang

sử dụng có diện tích 722,6m² (thiếu 112,4m² so với giấy CNQSDĐ được cấp cho anh V), còn hiện trạng thửa đất ông T ang sử dụng có diện tích 385m² (thừa 140m² so với giấy CNQSDĐ được cấp cho ông T). Thửa đất của ông T và anh V được tách ra từ thửa đất của cụ Th có diện tích 1080m² là đã thừa 27,6m². Ngoài ra, quá trình sử dụng đất vào năm 1987, gia đình ông Th đã đồng ý cho gia đình ông Ph thêm diện tích đất làm đường để đường có chiều rộng khoảng 02m, chiều dài khoảng 20,78m (ông T, bà Th và bà Th con cụ Th đều thừa nhận) như hiện nay, con đường đi vào nhà ông Ph đã tồn tại từ lâu, là đường duy nhất đi vào nhà ông Ph, có trong các bản đồ địa chính được lưu tại các cơ quan có thẩm quyền mà không ai có ý kiến tranh chấp gì, nên không có căn cứ để khẳng định con đường đi vào nhà ông Ph là thuộc quyền sử dụng đất của anh V.

Xét ý kiến của anh Hoàng Văn V cho rằng gia đình ông Ph lấn chiếm đất của anh V thấy. Trước khi anh V được cấp giấy CNQSDĐ thì thửa đất đang thuộc quyền sử dụng của cụ Th. Trong quá trình sử dụng đất vợ chồng cụ Th, các con của cụ Th và vợ ông T (mẹ ông V) đã cùng thống nhất với gia đình ông Ph, ông Ph đã thỏa thuận cắm mốc bằng bê tông để làm ranh giới giữa ba gia đình. Đến năm 2007, ông T (con trai cụ Th) ở Lào về tiếp tục nâng cấp làm kè bi và làm lại cột mốc bê tông mà các gia đình đã thỏa thuận trước đó to hơn dựa trên cột mốc cũ (hiện nay anh V đã phá dỡ, chỉ còn lại hai cột mốc hai đầu như ban đầu khi chưa nâng cấp). Ngoài ra, như phân tích ở trên thửa đất của anh V và ông T được tách ra từ thửa đất của cụ Th, nhưng diện tích hai thửa đất ông T và anh V đang sử dụng thừa so với diện tích đất ban đầu cấp cho cụ Th trước khi chưa tách. Với lại hàng rào mốc giới giữa nhà cụ Th, ông Ph và ông Ph là do các bên thỏa thuận cắm mốc và do gia đình cụ Th trực tiếp làm, đã sử dụng ổn định từ lâu, không ai có ý kiến gì. Vì vậy, việc anh V cho rằng gia đình ông Ph lấn chiếm đất của anh V là không có căn cứ.

Từ phân tích, nhận định ở trên. Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để xác định phần diện tích làm đường đi vào nhà ông Hoàng Văn Ph thuộc thửa đất mà anh V đang sử dụng và gia đình ông Phan Đình Ph lấn chiếm đất của ông V. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh V là có căn cứ, phù hợp với quá trình cấp giấy CNQSDĐ, hiện trạng sử dụng đất thực thể của các gia đình anh V, ông Ph, ông Ph và ông T và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Hoàng Văn V. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

[3] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của nguyên đơn anh Hoàng Văn V không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313; các Điều 26, 35, 39, 148, 157, 165, 235, 227, 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 166 và Điều 189 của Bộ luật dân sự; các Điều 50, Điều 105, 107 Luật đất đai năm 2003 và các Điều 100, 166, 170, 202, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Hoàng Văn V. Giữ nguyên bản án sơ thẩm 10/2021/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Văn V về việc đòi lại quyền sử dụng đất giữa anh Hoàng Văn V với ông Phan Đình Ph và ông Hoàng Văn Ph.

3. Về án phí: Buộc anh Hoàng Văn V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 31AA/2021/0003778 ngày 08/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TACC tại Đà Nẵng;
- Chi cục THADS H.Q;
- TAND H.Q;
- VKSND H.Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Viết Hải

